

Chuyên đề: Mệnh đề quan hệ rút gọn (Reduced Relative Clauses)

Mệnh đề quan hệ rút gọn là một phần ngữ pháp quan trọng giúp câu văn trở nên ngắn gọn, súc tích và tự nhiên hơn. Thay vì dùng một mệnh đề đầy đủ với các đại từ quan hệ (who, whom, which, that), chúng ta có thể lược bỏ chúng và thay đổi động từ chính. Dưới đây là 3 cách rút gọn mệnh đề quan hệ phổ biến nhất.

1. Rút gọn bằng Hiện tại phân từ (Present Participle - V-ing)

Chúng ta sử dụng V-ing để rút gọn mệnh đề quan hệ khi động từ trong mệnh đề đó ở thể **chủ động (Active Voice)**.

Công thức

Câu gốc: S + (danh từ) + who/which/that + V (chủ động) + O.

Câu rút gọn: S + (danh từ) + V-ing + O.

Cách thực hiện

- Bỏ đại từ quan hệ (who, which, that).
- Chuyển động từ chính trong mệnh đề quan hệ về dạng nguyên mẫu rồi thêm đuôi "-ing" (V-ing).

Ví dụ minh họa

- **Câu gốc:** The man *who is sitting* next to you is my uncle.
→ **Câu rút gọn:** The man *sitting* next to you is my uncle.
(Người đàn ông đang ngồi cạnh bạn là chú của tôi.)
- **Câu gốc:** The girl *who wears* the red dress is my sister.
→ **Câu rút gọn:** The girl *wearing* the red dress is my sister.
(Cô gái mặc chiếc váy đỏ là chị gái tôi.)
- **Câu gốc:** Do you know the boy *that broke* the window yesterday?
→ **Câu rút gọn:** Do you know the boy *breaking* the window yesterday?
(Bạn có biết cậu bé đã làm vỡ cửa sổ ngày hôm qua không?)

2. Rút gọn bằng Quá khứ phân từ (Past Participle - V3/Ved)

Chúng ta sử dụng V3/Ved để rút gọn mệnh đề quan hệ khi động từ trong mệnh đề đó ở thể **bị động (Passive Voice)**.

Công thức

Câu gốc: S + (danh từ) + who/which/that + be + V3/Ved.

Câu rút gọn: S + (danh từ) + V3/Ved.

Cách thực hiện

1. Bỏ đại từ quan hệ (who, which, that) và động từ "to be".
2. Giữ lại động từ ở dạng quá khứ phân từ (V3/Ved).

Ví dụ minh họa

- **Câu gốc:** The book *which was written* by Nguyen Nhat Anh is very popular.
→ **Câu rút gọn:** The book *written* by Nguyen Nhat Anh is very popular.
(Quyển sách được viết bởi Nguyễn Nhật Ánh rất nổi tiếng.)
- **Câu gốc:** The house *that was built* last year looks modern.
→ **Câu rút gọn:** The house *built* last year looks modern.
(Ngôi nhà được xây vào năm ngoái trông rất hiện đại.)
- **Câu gốc:** Most of the goods *which are made* in this factory are exported.
→ **Câu rút gọn:** Most of the goods *made* in this factory are exported.
(Hầu hết hàng hóa được sản xuất tại nhà máy này đều được xuất khẩu.)

3. Rút gọn bằng Động từ nguyên mẫu có 'to' (To-infinitive)

Đây là trường hợp đặc biệt, được áp dụng trong một số ngữ cảnh nhất định. Chúng ta có thể rút gọn mệnh đề quan hệ bằng "to V" khi danh từ đứng trước đại từ quan hệ có các từ/cụm từ sau đây đi kèm:

Trường hợp 1: Khi danh từ được bổ nghĩa bởi số thứ tự, so sánh nhất,...

Áp dụng khi danh từ đứng trước có các từ như: **the first, the second, the third, ..., the last, the only**, và dạng so sánh nhất (**the most..., the -est**).

Công thức

Câu gốc: S + (the first/last/only/so sánh nhất + N) + who/which/that + V...

Câu rút gọn: S + (the first/last/only/so sánh nhất + N) + to V...

Ví dụ minh họa

- **Câu gốc:** He was the first person *who came* to the party.
→ **Câu rút gọn:** He was the first person *to come* to the party.
(Anh ấy là người đầu tiên đến bữa tiệc.)
- **Câu gốc:** This is the most beautiful picture *that I have ever seen*.
→ **Câu rút gọn:** This is the most beautiful picture *to see*.
(Đây là bức tranh đẹp nhất tôi từng thấy.)
- **Câu gốc:** She is the only student *who can solve* this problem.
→ **Câu rút gọn:** She is the only student *to solve* this problem.
(Cô ấy là học sinh duy nhất có thể giải được bài toán này.)

Trường hợp 2: Mệnh đề quan hệ diễn tả mục đích, sự cho phép

Khi mệnh đề quan hệ có các động từ như **have/had, get/got** hoặc câu có ý nghĩa chỉ mục đích.

Ví dụ minh họa

- **Câu gốc:** I have a lot of homework *that I must do*.
→ **Câu rút gọn:** I have a lot of homework *to do*.
(Tôi có rất nhiều bài tập về nhà phải làm.)
- **Câu gốc:** She has something *that she wants to tell you*.
→ **Câu rút gọn:** She has something *to tell you*.
(Cô ấy có điều gì đó muốn nói với bạn.)

Bảng tổng hợp các dạng rút gọn

Loại rút gọn	Điều kiện áp dụng	Ví dụ
Hiện tại phân từ (V-ing)	Động từ trong mệnh đề quan hệ ở thể chủ động .	The boy <i>reading</i> a book is my brother.
Quá khứ phân từ (V3/Ved)	Động từ trong mệnh đề quan hệ ở thể bị động .	The letter <i>sent</i> yesterday has arrived.
Động từ nguyên mẫu (To V)	Khi danh từ đứng trước có <i>the first, the last, the only, so sánh nhất</i> hoặc diễn tả mục đích.	He is the last person <i>to leave</i> .

Lưu ý quan trọng

- Không rút gọn mệnh đề quan hệ khi danh từ được đề cập không xác định rõ (ví dụ: đứng sau dấu phẩy).
- Khi rút gọn, cần chú ý đến thì của động từ. Cách rút gọn bằng V-ing và V3/Ved không thể hiện rõ thì của hành động như mệnh đề gốc. Người đọc/nghe phải dựa vào ngữ cảnh để hiểu.
- Nếu chủ ngữ của mệnh đề quan hệ và chủ ngữ của mệnh đề chính khác nhau, ta không thể rút gọn theo 3 cách trên.